

TT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Nơi thường trú	Học sinh trường THCS	Huyện/TP	Năm TN THCS	Kết quả học tập và rèn luyện các năm học THCS														Tổng điểm xét tuyển	Điểm trung bình môn cả năm								Kết quả xét tuyển	Chi chú							
											Lớp 6				Lớp 7				Lớp 8				Lớp 9				Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9									
											QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL			KQHT		Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn			Toán	Ngữ văn					
											Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn			Toán	Ngữ văn					
1	14000912001	Giàng A Pó Chua	10/12/2010	Nam	Mông	Sơn La	Phá Thổng, Mường Và, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nà Khoang	Sốp Cộp	2025	Đ	6	Đ	6	Đ	6	Đ	6	Đ	6	Đ	6	Đ	6	Đ	6	Đ	6	Đ	6	Đ	6	48								Trúng tuyển	Tuyển thẳng, Khuyết tật
2	14000912002	Vàng A Lù	10/10/2007	Nam	Mông	Sơn La	Phá Thổng, Mường Và, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nà Khoang	Sốp Cộp	2025	Đ	6	Đ	6	Đ	6	Đ	6	Đ	6	Đ	6	Đ	6	Đ	6	Đ	6	Đ	6	Đ	6	48								Trúng tuyển	Tuyển thẳng, Khuyết tật
3	14000912003	Tòng Thị Mai Phương	25/11/2010	Nữ	Thái	Sơn La	Nà Ân, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5.7	5.8	5.3	6.5	5.5	5.5	5.4	5.3	Trúng tuyển	Tuyển thẳng, Khuyết tật,	
4	14000912004	Giàng Pạ Sênh	24/03/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Pu Hao, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	K	8	T	10	K	8	T	10	K	8	T	10	K	8	T	10	K	8	72	5.9	7	6.4	6.5	6.7	6.8	7.1	8.2	Trúng tuyển		
5	14000912005	Lò Nhật Quyền	05/07/2010	Nam	Thái	Sơn La	Bản Liềng, Mường Lèo, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Mường Lèo	Sốp Cộp	2025	T	10	K	8	T	10	K	8	T	10	K	8	T	10	K	8	T	10	K	8	72	6.9	6.7	6.5	7.4	7.3	6.6	7.4	7.2	Trúng tuyển		
6	14000912006	Quàng Thị Mi	08/11/2010	Nữ	Thái	Sơn La	Bản Nậm Tia, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	T	10	K	8	T	10	K	8	T	10	K	8	T	10	K	8	T	10	K	8	72	7.4	7	5.8	7.7	6.5	6.6	6.5	7.3	Trúng tuyển		
7	14000912007	Vì Thị Mai Duyên	03/05/2010	Nữ	Thái	Sơn La	Púng Tông, Nậm Lạnh, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nậm Lạnh	Sốp Cộp	2025	T	10	K	8	T	10	K	8	T	10	K	8	T	10	K	8	T	10	K	8	72	6.8	7.2	6.5	6.8	7.1	7.9	6.8	6.5	Trúng tuyển		
8	14000912008	Lò Thị Trang	07/12/2010	Nữ	Khơ mú	Sơn La	Huổi Làn, Mường Lèo, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Mường Lèo	Sốp Cộp	2025	T	10	K	8	T	10	K	8	T	10	K	8	T	10	K	8	T	10	K	8	72	6.5	6.5	6.5	6.9	6.8	6.8	5.6	6.6	Trúng tuyển		
9	14000912009	Sộng A Hử	04/04/2010	Nam	Mông	Sơn La	Huổi Hưa,Mường Cai, Sông Mã, Sơn La	PTDTBT THCS Mường Cai	Sông Mã	2025	T	10	K	8	T	10	K	8	T	10	K	8	K	8	K	8	K	8	70	8	7.2	6.5	7.3	6.1	6.4	8.2	7.8	Trúng tuyển	Trái tuyển,			
10	14000912010	Tòng Thị Như Điệp	20/03/2010	Nữ	Thái	Sơn La	Pỏi Lanh, Mường Và, Sốp Cộp, Sơn La	TH&THCS Mường Và	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	K	8	T	10	K	8	T	10	K	8	T	10	K	8	70	6.3	5.9	6	7.4	6.5	7.1	7.1	7.5	Trúng tuyển		

TT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Nơi thường trú	Học sinh trường THCS	Huyện/TP	Năm TN THCS	Kết quả học tập và rèn luyện các năm học THCS																Tổng điểm xét tuyển	Điểm trung bình môn cả năm								Kết quả xét trúng tuyển	Chi chú
											Lớp 6				Lớp 7				Lớp 8				Lớp 9					Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9			
											QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT			Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn		
											Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		
11	14000912011	Lò Thị Ánh Tuyết	21/03/2010	Nữ	Thái	Sơn La	Hộc Một, Mường Và, Sốp Cộp, Sơn La	TH&THCS Mường Và	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	K	8	T	10	K	8	T	10	K	8	70	6.6	6.4	6.8	6.5	6.6	7.3	6.8	6.7	Trúng tuyển	
12	14000912012	Ly Thị Dĩnh	21/09/2008	Nữ	Mông	Sơn La	Nà Trĩa, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	K	8	T	10	K	8	T	10	K	8	70	5	5.1	5.4	6.8	5.5	6.8	5.9	6.4	Trúng tuyển	
13	14000912013	Lường Huy Mạnh	03/07/2010	Nam	Thái	Sơn La	Bản Phông, Nậm Lạnh, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nậm Lạnh	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	K	8	T	10	Đ	6	T	10	K	8	68	6.2	7.2	6.5	7.2	6	7.2	6.7	6.8	Trúng tuyển	
14	14000912014	Tòng Ánh Tuyết	01/12/2010	Nữ	Thái	Sơn La	Bản Cang, Dồm Cang, Sốp Cộp, Sơn La	TH&THCS Dồm Cang	Sốp Cộp	2025	T	10	K	8	K	8	Đ	6	T	10	K	8	T	10	K	8	68	6.5	6.6	5.1	6.1	7.1	7.1	6.8	6.5	Trúng tuyển	
15	14000912015	Vàng Nụ Lóng	07/02/2010	Nam	Mông	Sơn La	Pu Sút, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	K	8	T	10	K	8	68	6.8	6.3	6	5.7	6.5	6.1	6.7	6	Trúng tuyển	
16	14000912016	Lò Thị Lương	14/06/2010	Nữ	Thái	Sơn La	Bản Khá, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	K	8	T	10	K	8	K	8	Đ	6	T	10	K	8	68	5.5	6.9	5.5	7.2	6.7	6.2	5.6	6.8	Trúng tuyển	
17	14000912017	Sộng Thị Dợ	29/06/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Huổi My, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	K	8	T	10	K	8	68	6.8	5.6	5.7	5.4	6.3	6.5	6.5	5.8	Trúng tuyển	
18	14000912018	Mòng Xuân Thành	11/10/2010	Nam	Khơ mú	Sơn La	Huổi Làn, Mường Lèo, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Mường Lèo	Sốp Cộp	2025	T	10	K	8	T	10	K	8	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	68	6.1	6.6	6.5	6.5	6.3	6.5	6.7	5.4	Trúng tuyển	
19	14000912019	Giàng Mai Trường	06/04/2010	Nam	Mông	Sơn La	Huổi Pá, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	K	8	T	10	K	8	68	4.6	6	5	5.4	4.3	5.1	5.5	6.5	Trúng tuyển	
20	14000912020	Giàng Thị Sao Mai	01/07/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Ten Lán, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	K	8	T	10	Đ	6	T	10	K	8	68	6.5	4.7	5.6	6.7	5.7	6.4	5.3	6.7	Trúng tuyển	
21	14000912021	Sùng A Sớ	22/03/2009	Nam	Mông	Sơn La	Pá Ca, Pú Bấu, Sông Mã, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Pú Bấu	Sông Mã	2024	T	10	K	8	K	8	K	8	T	10	K	8	T	10	TB	6	68	7.1	7.1	6.6	6.6	6.2	6.6	5.8	5.7	Trúng tuyển	Trái tuyển

TT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Nơi thường trú	Học sinh trường THCS	Huyện/TP	Năm TN THCS	Kết quả học tập và rèn luyện các năm học THCS																Tổng điểm xét tuyển	Điểm trung bình môn cả năm								Kết quả xét trúng tuyển	Chi chú
											Lớp 6				Lớp 7				Lớp 8				Lớp 9					Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9			
											QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT			Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn		
											Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		
22	14000912022	Giàng Thị Anh	21/11/2010	Nam	Mông	Sơn La	Huổi Hưa, Mường Cai, Sông Mã, Sơn La	PTDT Bán trú THCS Mường Cai	Sông Mã	2025	T	10	Đ	6	T	10	K	8	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	66	5	7.2	6.5	6.9	6.8	5.6	6.4	7	Trúng tuyển	Trái tuyển
23	14000912023	Vì Phương Bắc	13/11/2010	Nam	Thái	Sơn La	Tông Hùm, Mường Và, Sốp Cộp, Sơn La	TH&THCS Mường Và	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	K	8	66	4.9	5.5	6.6	5.7	6.8	6.5	6.8	6.1	Trúng tuyển	
24	14000912024	Mòng Quang Huy	31/01/2010	Nam	Khơ mú	Sơn La	Huổi Làn, Mường Lèo, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Mường Lèo	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	K	8	T	10	K	8	K	8	K	8	66	6.5	6.5	6.5	6.7	7.2	6.9	6.8	6.1	Trúng tuyển	
25	14000912025	Thào Thị Gổng	25/2/2008	Nữ	Mông	Sơn La	Huổi Pá, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	K	8	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	66	5.2	6.5	5.6	5.3	5.3	6	6.5	6.3	Trúng tuyển	
26	14000912026	Giàng Thị Dê	16/08/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Nậm Lạn, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	K	8	66	5	5.1	5.1	5	5.2	6.8	6.5	6.2	Trúng tuyển	
27	14000912027	Quảng Thị Thảo	05/05/2010	Nữ	Thái	Sơn La	Bản Púng, Púng Bánh, Sốp Cộp, Sơn La	Trường THCS Púng Bánh	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	K	8	K	8	Đ	6	T	10	K	8	66	5.6	6.5	5.8	7.4	6.3	7.4	6.6	6	Trúng tuyển	
28	14000912028	Vì Văn Ngọc Hà	14/12/2010	Nam	Thái	Sơn La	Bản Cang, Nậm Lạnh, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nậm Lạnh	Sốp Cộp	2025	T	10	K	8	T	10	K	8	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	66	6.8	6.9	6.5	6.5	6.7	7	6.6	5.9	Trúng tuyển	
29	14000912029	Lò Thị Tuệ	25/11/2010	Nữ	Khơ Mú	Sơn La	Nậm Pừn, Mường Lèo, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Mường Lèo	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	K	8	66	5.8	5.5	5	5.5	6.4	6.1	5.7	5.6	Trúng tuyển	
30	14000912030	Mòng Thị Triệu	18/05/2010	Nữ	Khơ mú	Sơn La	Bánh Han, Nậm Lạnh, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nậm Lạnh	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	6	7	5.5	6.9	6.1	6.6	6.8	7.2	Trúng tuyển	
31	14000912031	Mòng Thị Hậu	21/11/2010	Nữ	Khơ mú	Sơn La	Bánh Han, Nậm Lạnh, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nậm Lạnh	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5.8	6.7	5.6	6.2	6.1	6.8	6.4	6.9	Trúng tuyển	
32	14000912032	Vàng A Nụ	19/03/2009	Nam	Mông	Sơn La	Hua Lạnh, Nậm Lạnh, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nậm Lạnh	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5.3	5.4	5.2	5.6	6.3	7	6.4	6.8	Trúng tuyển	

TT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Nơi thường trú	Học sinh trường THCS	Huyện/TP	Năm TN THCS	Kết quả học tập và rèn luyện các năm học THCS																Tổng điểm xét tuyển	Điểm trung bình môn cả năm								Kết quả xét trúng tuyển	Chi chú
											Lớp 6				Lớp 7				Lớp 8				Lớp 9					Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9			
											QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT			Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn		
											Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		
33	14000912033	Vừ Thị Dĩa	22/04/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Huổi Hưa,Mường Cai, Sông Mã, Sơn La	PTDTBT THCS Mường Cai	Sông Mã	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	6.1	6.5	6.5	5.7	5.6	5.3	6.9	6.3	Trúng tuyển	Trái tuyển
34	14000912034	Giàng Thị Nu	06/04/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Huổi Hưa,Mường Cai, Sông Mã, Sơn La	PTDTBT THCS Mường Cai	Sông Mã	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5	6.1	5.8	5.5	5.2	5	6.5	6.4	Trúng tuyển	Trái tuyển
35	14000912035	Vừ Thị Dừa	04/01/2009	Nữ	Mông	Sơn La	Phiêng Piềng, Mường Cai, Sông Mã, Sơn La	PTDTBT THCS Mường Cai	Sông Mã	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5.5	6.5	6.5	6.5	5	5.9	6	6.9	Trúng tuyển	Trái tuyển
36	14000912036	Ly Thị Dê	14/08/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Nà Trĩa, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5.9	5.4	5.8	5.6	6.5	6.3	6.9	5.9	Trúng tuyển	
37	14000912037	Vừ Vạ Minh	30/06/2010	Nam	Mông	Sơn La	Phiêng Piềng, Mường Cai, Sông Mã, Sơn La	PTDTBT THCS Mường Cai	Sông Mã	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5.5	6	5.7	5.9	5.1	5.1	6.8	6	Trúng tuyển	Trái tuyển,
38	14000912038	Tòng Thị Vân	22/01/2010	Nữ	Thái	Sơn La	Bản Púng, Púng Bánh, Sốp Cộp, Sơn La	Trường THCS Púng Bánh	Sốp Cộp	2025	T	10	K	8	T	10	K	8	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	64	7.2	6.9	6.5	7.6	6.5	6.6	6.3	6.5	Trúng tuyển	
39	14000912039	Lậu Thị Xai	27/01/2009	Nữ	Mông	Sơn La	Púng Páng, Mường Và, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nà Khoang	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5.8	6.2	6.1	5.5	6	5.8	6.5	6.2	Trúng tuyển	
40	14000912040	Tòng Văn Ôn	14/09/2010	Nam	Thái	Sơn La	Púng Tòng, Nậm Lạnh, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nậm Lạnh	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	K	8	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	64	6.1	6.7	5.6	7.5	5.9	6.9	6.4	6.2	Trúng tuyển	
41	14000912041	Quàng Nam Hải	06/09/2010	Nam	Thái	Sơn La	Khá Nghịu, Púng Bánh, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5.1	5.6	5.2	5.6	4.9	5.4	6.3	6.3	Trúng tuyển	
42	14000912042	Lò Văn Trung	17/10/2010	Nam	Thái	Sơn La	Hộc Một, Mường Và, Sốp Cộp, Sơn La	TH&THCS Mường Và	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	6.5	5.7	5.4	6.5	5.6	6.4	5.9	6.5	Trúng tuyển	
43	14000912043	Ly Thị Hoa	21/10/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Huổi My, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5.5	5.6	5.9	5.4	5.5	5.8	6.1	6.1	Trúng tuyển	

TT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Nơi thường trú	Học sinh trường THCS	Huyện/TP	Năm TN THCS	Kết quả học tập và rèn luyện các năm học THCS																Tổng điểm xét tuyển	Điểm trung bình môn cả năm								Kết quả xét trúng tuyển	Chi chú
											Lớp 6				Lớp 7				Lớp 8				Lớp 9					Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9			
											QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT			Toán		Ngữ văn		Toán		Ngữ văn			
											Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		
44	14000912044	Mòng Văn Nam	06/11/2010	Nam	Khơ mú	Sơn La	Huổi Lầu, Mường Và, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nà Khoang	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5	5.8	5.3	5.6	5.5	6.2	5.9	6.3	Trúng tuyển	
45	14000912045	Vì Văn Ngọc Nguyễn	07/09/2010	Nam	Thái	Sơn La	Púng Tông, Nậm Lạnh, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nậm Lạnh	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	6	6.2	5.4	6.5	6.3	6.6	5.9	6.3	Trúng tuyển	
46	14000912046	Vừ A Mệnh	13/03/2010	Nam	Mông	Sơn La	Pá Hốc, Dồm Cang, Sốp Cộp, Sơn La	TH&THCS Dồm Cang	Sốp Cộp	2025	T	10	K	8	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	64	7	6.5	5.7	6.1	5	6.6	6.7	5.4	Trúng tuyển	
47	14000912047	Sộng A Chu	03/05/2009	Nam	Mông	Sơn La	Nong Phu, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5.9	5.1	5.7	5.1	5	6.2	5.6	6.3	Trúng tuyển	
48	14000912048	Giàng Thị Lù	27/10/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Huổi Léch, Đứa Mòn, Sông Mã, Sơn La	PTDTBT THCS Đứa Mòn	Sông Mã	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5.1	5.4	5.7	6	5.8	6.5	6.1	5.8	Trúng tuyển	Trái tuyển
49	14000912049	Vàng Thị Đớ	02/01/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Huổi My, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	6.1	5.6	5.8	5.5	6.1	6.2	6.3	5.5	Trúng tuyển	
50	14000912050	Hàng A Dững	01/02/2010	Nam	Mông	Sơn La	Sam Quảng, Mường Lèo, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Mường Lèo	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5	5.3	5.1	5	6.3	4.9	6.6	5.2	Trúng tuyển	
51	14000912051	Lầu A Vạ	06/01/2010	Nam	Mông	Sơn La	Bản Mạt, Mường Lèo, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Mường Lèo	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	6.5	5.3	5.6	5.8	6.7	6	5.9	5.7	Trúng tuyển	
52	14000912052	Vàng Thị Chinh	08/12/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Phiêng Piềng, Mường Cai, Sông Mã, Sơn La	PTDTBT THCS Mường Cai	Sông Mã	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5	6.6	6	6.5	5.1	5	5.9	5.7	Trúng tuyển	Trái tuyển
53	14000912053	Lậu Thị Má	27/04/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Nà Trịa, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	6.5	5.6	5.2	5	5.5	5.3	6	5.6	Trúng tuyển	
54	14000912054	Sộng A Chĩa	14/12/2010	Nam	Mông	Sơn La	Ten Lán, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5.5	5.5	4.3	4.8	5.5	5.9	5.8	5.8	Trúng tuyển	

TT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Nơi thường trú	Học sinh trường THCS	Huyện/TP	Năm TN THCS	Kết quả học tập và rèn luyện các năm học THCS																Tổng điểm xét tuyển	Điểm trung bình môn cả năm								Kết quả xét trúng tuyển	Chi chú
											Lớp 6				Lớp 7				Lớp 8				Lớp 9					Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9			
											QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT			Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn		
											Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		
55	14000912055	Sộng Thị Ong	19/11/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Pu Hao, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5.4	4.8	6.1	4.5	5	5.8	5.9	5.6	Trúng tuyển	
56	14000912056	Giàng Cạ Sia	15/03/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Pu Hao, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5.6	5.8	5	5.2	5.5	5.7	5.9	5.6	Trúng tuyển	
57	14000912057	Sộng Thị Si	11/06/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Pá Kạch, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5	5.7	5.5	5.2	5.3	5.2	5.9	5.6	Trúng tuyển	
58	14000912058	Lò Văn Tú	12/09/2010	Nam	Thái	Sơn La	Cáp Vền, Mường Vả, Sốp Cộp, Sơn La	TH&THCS Mường Vả	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5.9	5.7	5	6.6	6.2	6.3	5.9	5.5	Trúng tuyển	
59	14000912059	Mùa Thị La	15/02/2009	Nữ	Mông	Sơn La	Huổi Men, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5.2	5.7	5	5.1	5	5.7	5.4	6	Trúng tuyển	
60	14000912060	Giàng Thị Nu	08/09/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Pá Kạch, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5.4	5.1	5.1	4.6	5.8	5.7	5.3	6	Trúng tuyển	
61	14000912061	Sòng A Giàng	06/12/2010	Nam	Mông	Sơn La	Huổi Áng, Mường Lèo, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Mường Lèo	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5.8	5.2	6.5	5.9	6.2	5.6	5.6	5.7	Trúng tuyển	
62	14000912062	Vì Thị Nga	07/12/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Bản Tia, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5.3	5.9	5.4	6.9	5.9	7.2	5.6	5.6	Trúng tuyển	
63	14000912063	Sùng Bả Vạ	04/10/2010	Nam	Mông	Sơn La	Pá Ca, Pú Bấu, Sông Mã, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Pú Bấu	Sông Mã	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5	5.9	5.4	5	5.5	5.3	5.7	5.4	Trúng tuyển	Trái tuyển
64	14000912064	Giàng Thị Bảo Nhi	27/03/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Pá Kạch, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5.8	6.1	5	4.9	4.5	6.5	4.9	6.1	Trúng tuyển	
65	14000912065	Thào Thị Sâu	10/02/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Chăm Hỷ, Mường Lèo, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Mường Lèo	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5.6	5	5	5.3	6.3	6	5.5	5.5	Trúng tuyển	

TT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Nơi thường trú	Học sinh trường THCS	Huyện/TP	Năm TN THCS	Kết quả học tập và rèn luyện các năm học THCS																Tổng điểm xét tuyển	Điểm trung bình môn cả năm								Kết quả xét trúng tuyển	Chi chú
											Lớp 6				Lớp 7				Lớp 8				Lớp 9					Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9			
											QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT			Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn		
											Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		
66	14000912066	Lò Duy Hùng	27/08/2010	Nam	Thái	Sơn La	Bản Cang, Nậm Lạnh, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nậm Lạnh	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5.9	6.5	5.5	5.3	5.4	6.2	5.5	5.5	Trúng tuyển	
67	14000912067	Thào Thị Bảo	27/12/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Sam Kha, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	4.3	5	4.8	5.6	5	5.8	5	5.9	Trúng tuyển	
68	14000912068	Giàng Thị Pạ Nhịa	13/05/2009	Nữ	Mông	Sơn La	Nậm Lạn, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5.2	5.3	5	5.2	5.1	6	5.3	5.6	Trúng tuyển	
69	14000912069	Sộng A Tênh	10/11/2009	Nam	Mông	Sơn La	Pá Kạch, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	4.9	4.5	4.4	4.4	4.5	5.5	5.5	5.3	Trúng tuyển	
70	14000912070	Vì Đức Duy	24/12/2010	Nam	Thái	Sơn La	Bản Cang, Nậm Lạnh, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nậm Lạnh	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5.7	6.1	5.1	6.5	5.8	6.5	5.5	5.3	Trúng tuyển	
71	14000912071	Sộng Thị Su	12/03/2009	Nữ	Mông	Sơn La	Huổi Pá, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5.8	5.6	5.4	5.2	4.7	5.8	5.1	5.6	Trúng tuyển	
72	14000912072	Vừ Chư Nênh	11/10/2009	Nam	Mông	Sơn La	Huổi Ái, Sốp Cộp, Sốp Cộp, Sơn La	Trường TH &THCS Sốp Cộp	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5.7	5	5.6	5.1	5.9	6.4	5.7	5	Trúng tuyển	
73	14000912073	Sộng A Đồng	14/03/2009	Nam	Mông	Sơn La	Pá Kạch, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	5.3	4.5	4.6	4.3	5.1	5.4	5.3	5.3	Trúng tuyển	
74	14000912074	Lậu Bá Chua	13/11/2008	Nam	Mông	Sơn La	Huổi Dương, Mường Và, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nà Khoang	Sốp Cộp	2023	T	10	TB	6	T	10	TB	6	T	10	TB	6	T	10	TB	6	64	5	5.4	5.2	5.1	5	5.2	5	5.3	Trúng tuyển	
75	14000912075	Giàng Mạnh Cường	21/09/2010	Nam	Mông	Sơn La	Tên Lán, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	4.5	5.4	4.6	6	5.3	5.9	4.7	5.4	Trúng tuyển	
76	14000912076	Sộng Thị Trang	25/12/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Pu Sút, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	64	6.2	5.1	5	5.8	5	5.3	5	5	Trúng tuyển	

TT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Nơi thường trú	Học sinh trường THCS	Huyện/ TP	Năm TN THC S	Kết quả học tập và rèn luyện các năm học THCS																Tổng điểm xét tuyển	Điểm trung bình môn cả năm								Kết quả xét trúng tuyển	Chi chú
											Lớp 6				Lớp 7				Lớp 8				Lớp 9					Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9			
											QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT			Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn		
											Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		
77	14000912077	Lò Thị Tuyết	30/05/2010	Nữ	Thái	Sơn La	Bản Pát, Bó Sinh, Sông Mã, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Bó Sinh	Sông Mã	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	K	8	T	10	K	8	62	7.2	6.2	6.5	6.1	6	6.2	6.9	6.9	Trúng tuyển	Trái tuyển
78	14000912078	Vàng A Tánh	22/10/2010	Nam	Mông	Sơn La	Hua Lạnh, Nậm Lạnh, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nậm Lạnh	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	62	5.5	5.3	5.1	5.4	6.2	6.9	6.4	6.9	Trúng tuyển	
79	14000912079	Giàng Thị Nhưng	02/01/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Hua Lạnh, Nậm Lạnh, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nậm Lạnh	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	62	5.4	5.4	5.4	5.6	5	6.9	6.8	6.2	Trúng tuyển	
80	14000912080	Giàng A Sáu	12/07/2010	Nam	Mông	Sơn La	Nậm Lạn, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	62	4.7	5.6	5.1	5.5	4.9	5.6	6	6.8	Trúng tuyển	
81	14000912081	Lầu Thị Nông	11/03/2009	Nữ	Mông	Sơn La	Púng Páng, Mường Và, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nà Khoang	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	62	6.6	5.5	6	5.7	6.5	6.4	6.6	6.1	Trúng tuyển	
82	14000912082	Sộng A Cháng	07/02/2010	Nam	Mông	Sơn La	Nong Phư, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	62	5.5	6.1	5	5.2	5.5	6.1	6.5	6.1	Trúng tuyển	
83	14000912083	Thào Thị Thu	11/04/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Sam Kha, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	62	5.6	5.4	5.6	5.4	5.7	5.6	6.6	5.9	Trúng tuyển	
84	14000912084	Ly Sạ Mệnh	25/08/2008	Nam	Mông	Sơn La	Pu Hao, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	62	5.1	5.3	5	5.4	4.8	6.3	6.6	5.8	Trúng tuyển	
85	14000912085	Vền Thị Thảo	28/03/2010	Nữ	Khơ mú	Sơn La	Huổi Lầu, Mường Và, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nà Khoang	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	62	5.6	6.2	5.3	6.5	5.6	6.1	6.2	6.1	Trúng tuyển	
86	14000912086	Giàng Thị Pạ	27/08/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Huổi Hua,Mường Cai, Sông Mã, Sơn La	PTDTBT THCS Mường Cai	Sông Mã	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	62	5.1	5.8	6.6	6.5	5	5.8	6.2	5.9	Trúng tuyển	Trái tuyển
87	14000912087	Sộng A Tình	11/10/2009	Nam	Mông	Sơn La	Pu Hao, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	62	6.9	6.6	5.1	5.2	5.9	5.7	6.5	5.6	Trúng tuyển	

TT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Nơi thường trú	Học sinh trường THCS	Huyện/TP	Năm TN THCS	Kết quả học tập và rèn luyện các năm học THCS																Tổng điểm xét tuyển	Điểm trung bình môn cả năm								Kết quả xét trúng tuyển	Chi chú
											Lớp 6				Lớp 7				Lớp 8				Lớp 9					Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9			
											QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT			Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn		
											Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		
88	14000912088	Mùa Thị Nà	10/02/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Huổi Luông, Mường Lèo, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Mường Lèo	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	62	5.7	5.5	6	5.5	6.8	5.8	6.3	5.8	Trúng tuyển	
89	14000912089	Mòng Văn Hoàng	31/10/2010	Nam	Khơ mú	Sơn La	Huổi Làn, Mường Lèo, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Mường Lèo	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	62	5.9	5.3	5	6.2	6.1	5.4	6.4	5.6	Trúng tuyển	
90	14000912090	Thào Nụ Lài	03/10/2010	Nam	Mông	Sơn La	Sam Kha, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	62	5.3	5.7	5.1	5.5	5.5	5.4	6.6	5.3	Trúng tuyển	
91	14000912091	Sộng Thị Chua	18/03/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Pu Hao, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	62	5.7	5.4	5.1	5.3	4.6	5.8	5.9	5.9	Trúng tuyển	
92	14000912092	Thào Thị Chu	23/09/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Phá Thổng, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	62	5.1	6	5.3	5	5.8	5.8	5.8	6	Trúng tuyển	
93	14000912093	Vừ Thị Dưa	01/01/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Nậm Lạnh, Nậm Lạnh, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nậm Lạnh	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	62	5.5	5.1	5.3	5.5	5.1	6.8	5.9	5.9	Trúng tuyển	
94	14000912094	Vừ A Dâu	01/03/2010	Nam	Mông	Sơn La	Kéo Vai, Nậm Lạnh, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nậm Lạnh	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	62	5.5	5.3	5.2	5.4	5	6.6	5.9	5.8	Trúng tuyển	
95	14000912095	Giàng A Dơ	13/07/2010	Nam	Mông	Sơn La	Ten Lán, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	62	5.6	5.4	5	5.2	5.6	5.6	5.7	5.9	Trúng tuyển	
96	14000912096	Giàng A Khánh	09/10/2010	Nam	Mông	Sơn La	Huổi Ái, Sốp Cộp, Sốp Cộp, Sơn La	Trường TH &THCS Sốp Cộp	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	62	5	5	5.6	5.2	5.9	5.7	5.6	6	Trúng tuyển	
97	14000912097	Sộng Thị Đề	22/10/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Ten Lán, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	62	4.4	5	5.3	5.7	5.8	6.3	5.8	5.7	Trúng tuyển	
98	14000912098	Lậu Me Chi	12/04/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Huổi Dương, Mường Và, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nà Khoang	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	62	5.2	5.4	5.3	5.8	5.6	6	5.5	5.9	Trúng tuyển	

TT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Nơi thường trú	Học sinh trường THCS	Huyện/TP	Năm TN THCS	Kết quả học tập và rèn luyện các năm học THCS																Tổng điểm xét tuyển	Điểm trung bình môn cả năm								Kết quả xét trúng tuyển	Chi chú
											Lớp 6				Lớp 7				Lớp 8				Lớp 9					Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9			
											QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT			Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn		
											Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		
99	14000912099	Tòng Việt Phương	21/01/2010	Nam	Thái	Sơn La	Hộc Một, Mường Và, Sốp Cộp, Sơn La	TH&THCS Mường Và	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	62	6.3	5.2	5.3	5.6	5	5.5	6.2	5.1	Trúng tuyển	
100	14000912100	Quàng Quốc Tuấn	03/05/2010	Nam	Thái	Sơn La	Cáp Vèn, Mường Và, Sốp Cộp, Sơn La	TH&THCS Mường Và	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	62	4.9	5.7	6	5.8	5.7	6.2	6.2	5.1	Trúng tuyển	
101	14000912101	Thào Thị Pạ Danh	11/05/2009	Nữ	Mông	Sơn La	Nậm Lạn, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	62	5.9	6	5.3	5.2	5.2	5	5	6.2	Trúng tuyển	
102	14000912102	Hàng Thị Dênh	07/08/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Sam Quăng, Mường Lèo, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Mường Lèo	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	62	5.9	5.4	5.1	4.8	6.3	6.1	5.9	5.3	Trúng tuyển	
103	14000912103	Hạng A Phua	01/07/2010	Nam	Mông	Sơn La	Huổi Pá, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	62	5.3	5.6	6.2	5.8	6.3	6.6	5.1	6	Trúng tuyển	
104	14000912104	Lò Văn Phong	25/06/2010	Nam	Thái	Sơn La	Mường Và, Mường Và, Sốp Cộp, Sơn La	TH&THCS Mường Và	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	62	4.9	6.5	5.7	5.8	5.2	5.2	5.9	5.1	Trúng tuyển	
105	14000912105	Vừ A Anh	15/05/2010	Nam	Mông	Sơn La	Pá Khoang, Mường Và, Sốp Cộp, Sơn La	TH&THCS Mường Và	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	62	5.4	5.9	5.8	6.2	5.9	5.6	5.8	5.2	Trúng tuyển	
106	14000912106	Hạng Thị Máy	16/03/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Huổi Pá, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	62	6.1	6.5	5	5.8	5.4	5.6	5.2	5.8	Trúng tuyển	
107	14000912107	Hàng A Cớ	02/06/2010	Nam	Mông	Sơn La	Sam Quăng, Mường Lèo, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Mường Lèo	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	62	5.7	5	5.2	5.1	6.1	5.8	5.9	5	Trúng tuyển	
108	14000912108	Giàng Cháng Vang	02/03/2010	Nam	Mông	Sơn La	Co Muông, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	62	5.3	5.9	5	5	5.2	5.5	5.2	5.6	Trúng tuyển	
109	14000912109	Sộng Ngọc Chung	07/07/2009	Nam	Mông	Sơn La	Pu Sút, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	62	5	4.7	5	5.1	5.4	5.8	5.1	5.7	Trúng tuyển	

TT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Nơi thường trú	Học sinh trường THCS	Huyện/ TP	Năm TN THC S	Kết quả học tập và rèn luyện các năm học THCS																Tổng điểm xét tuyển	Điểm trung bình môn cả năm								Kết quả xét trúng tuyển	Chi chú
											Lớp 6				Lớp 7				Lớp 8				Lớp 9					Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9			
											QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT			Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn		
											Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		
110	14000912110	Lò Duy Khải	11/01/2010	Nam	Thái	Sơn La	Tông Hùm, Mường Và, Sốp Cộp, Sơn La	TH&THCS Mường Và	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	62	4.3	6	6.2	6.2	6.2	6.6	5.4	5.3	Trúng tuyển	
111	14000912111	Hạng A Dia	25/05/2010	Nam	Mông	Sơn La	Bản Khá, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	62	5.3	5.9	4.4	5	5.1	5.9	5.4	5.3	Trúng tuyển	
112	14000912112	Lò Thị Duyên	14/03/2010	Nữ	Thái	Sơn La	Nà Dia, Sốp Cộp, Sốp Cộp, Sơn La	Trường TH &THCS Sốp Cộp	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	62	5.2	6.4	5.7	5	3.9	5	5.6	5.1	Trúng tuyển	
113	14000912113	Lò Bạch Đàn	15/02/2010	Nam	Thái	Sơn La	Nà Lốc, Sốp Cộp, Sốp Cộp, Sơn La	Trường TH &THCS Sốp Cộp	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	62	5.1	5.1	5.3	5.8	5	5.5	5.1	5.4	Trúng tuyển	
114	14000912114	Mùa A Phạnh	12/03/2010	Nam	Mông	Sơn La	Pá Khoang, Mường Lèo, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Mường Lèo	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	62	5.5	5.8	5.1	5.4	6.2	5.7	5	5.4	Trúng tuyển	
115	14000912115	Lò Văn Việt	21/08/2010	Nam	Thái	Sơn La	Tông Hùm, Mường Và, Sốp Cộp, Sơn La	TH&THCS Mường Và	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	62	4.9	5.1	4.7	5.4	5.4	5.5	5.1	5.2	Trúng tuyển	
116	14000912116	Lò Duy Tuấn	21/12/2009	Nam	Thái	Sơn La	Bản Cống, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	62	6.3	5.4	5.4	5	5.7	6.2	5.3	5	Trúng tuyển	
117	14000912117	Lò Thị Hương	06/02/2010	Nữ	Thái	Sơn La	Nà Ân, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	62	4.9	4.7	4.8	5.4	5.1	5	5.2	5.1	Trúng tuyển	
118	14000912118	Lường Thành Chung	19/11/2020	Nam	Thái	Sơn La	Mường Lạn, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	62	5.9	4.6	5.1	5	5	5.4	5.1	5	Trúng tuyển	
119	14000912119	Thào Quyết Thắng	03/04/2010	Nam	Mông	Sơn La	Pá Kạch, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	62	4.6	6.1	5.1	5	4.6	6.1	5.1	5	Trúng tuyển	
120	14000912120	Lò Thị Phương Thảo	15/02/2010	Nữ	Lào	Sơn La	Cáp Vèn, Mường Và, Sốp Cộp, Sơn La	TH&THCS Mường Và	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	62	4.4	5.1	4.9	4.8	5.3	5.8	5	5	Trúng tuyển	

TT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Nơi thường trú	Học sinh trường THCS	Huyện/ TP	Năm TN THC S	Kết quả học tập và rèn luyện các năm học THCS																Tổng điểm xét tuyển	Điểm trung bình môn cả năm								Kết quả xét trúng tuyển	Chi chú
											Lớp 6				Lớp 7				Lớp 8				Lớp 9					Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9			
											QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT			Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn		
											Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		
121	14000912121	Vừ Thị Hạnh	17/11/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Huổi Ái, Sốp Cộp, Sốp Cộp, Sơn La	Trường TH &THCS Sốp Cộp	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	62	5	5.1	5.2	4.6	3.5	5	5	5	Trúng tuyển	
122	14000912122	Lường Văn Thái	10/05/2010	Nam	Lào	Sơn La	Mường Lạn, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	62	4.9	4.3	5	4.5	5	5	4.8	5	Trúng tuyển	
123	14000912123	Vừ A Lợi	18/02/2010	Nam	Mông	Sơn La	Huổi Ái, Sốp Cộp, Sốp Cộp, Sơn La	Trường TH &THCS Sốp Cộp	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	62	5.2	3.8	5	5.5	5.4	5	5.2	3.9	Trúng tuyển	
124	14000912124	Hàng A Chênh	25/04/2010	Nam	Mông	Sơn La	Sam Quảng, Mường Lèo, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Mường Lèo	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	60	5.2	5.3	5.1	5.3	6.1	5.5	6.4	6.1	Trúng tuyển	
125	14000912125	Sộng Mạnh Cường	12/08/2010	Nam	Mông	Sơn La	Pá Kạch, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	K	8	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	60	5.2	6.4	5.5	5	5.6	5.6	6.5	5.8	Trúng tuyển	
126	14000912126	Lò Huy Hoàng	04/06/2010	Nam	Lào	Sơn La	Mường Và, Mường Và, Sốp Cộp, Sơn La	TH&THCS Mường Và	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	K	8	K	8	Đ	6	60	5.7	6.7	5.6	6.5	5.7	6.8	6.2	5.9	Trúng tuyển	
127	14000912127	Quàng Văn Thắng	08/06/2010	Nam	Thái	Sơn La	Khá Nghịu, Púng Bánh, Sốp Cộp, Sơn La	Trường THCS Púng Bánh	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	60	4.2	5.9	5.3	6.4	5.9	6.2	6.1	5.9	Trúng tuyển	
128	14000912128	Tòng Nhật Khánh	18/05/2010	Nam	Thái	Sơn La	Bản Men, Dồm Cang, Sốp Cộp, Sơn La	TH&THCS Dồm Cang	Sốp Cộp	2025	K	8	K	8	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	60	6.9	6.7	5.6	6.2	4.8	6.1	5.8	6.1	Trúng tuyển	
129	14000912129	Giàng Thị Dung	08/04/2009	Nữ	Mông	Sơn La	Nà Trĩa, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	60	5.1	5.1	5.1	5	5.4	6.2	5.9	5.9	Trúng tuyển	
130	14000912130	Mùa A Chu	29/04/2010	Nam	Mông	Sơn La	Pá Khoang, Mường Lèo, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Mường Lèo	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	60	5	5	5	4.8	5.9	5.1	6.8	5	Trúng tuyển	
131	14000912131	Vì Thị Chinh	12/07/2010	Nữ	Thái	Sơn La	Tông Hùm, Mường Và, Sốp Cộp, Sơn La	TH&THCS Mường Và	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	60	5	5.1	5.2	5.9	6.1	6.3	6.1	5.5	Trúng tuyển	

TT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Nơi thường trú	Học sinh trường THCS	Huyện/TP	Năm TN THCS	Kết quả học tập và rèn luyện các năm học THCS																Tổng điểm xét tuyển	Điểm trung bình môn cả năm								Kết quả xét trúng tuyển	Chi chú
											Lớp 6				Lớp 7				Lớp 8				Lớp 9					Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9			
											QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT			Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn		
											Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		
132	14000912132	Quàng Trọng Nghĩa	11/07/2010	Nam	Thái	Sơn La	Mường Lạn, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	60	7.7	5.4	6.5	5.7	5.3	5.9	6.2	5.3	Trúng tuyển	
133	14000912133	Lò Việt Hải	14/11/2010	Nam	Thái	Sơn La	Cáp Vèn, Mường Vả, Sốp Cộp, Sơn La	TH&THCS Mường Vả	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	60	6	5.5	5.8	5	5.2	5.8	5.9	5.5	Trúng tuyển	
134	14000912134	Vàng A Sú	07/05/2010	Nam	Mông	Sơn La	Pu Sút, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	60	5	5	5	5	5.5	5	5.7	5.7	Trúng tuyển	
135	14000912135	Lường Văn Quân	03/02/2010	Nam	Lào	Sơn La	Nà Vạc, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	60	5.2	5.5	4.3	5.4	4.8	5.4	5.8	5.5	Trúng tuyển	
136	14000912136	Giàng Tra Pó	12/12/2010	Nam	Mông	Sơn La	Nậm Lạn, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	60	5.3	5.1	5.4	5.1	4.6	6.3	5.4	5.9	Trúng tuyển	
137	14000912137	Giàng Thị Dải	15/07/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Pá Kạch, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	60	6.1	6.5	5.5	5.3	5.3	5.5	5	6.3	Trúng tuyển	
138	14000912138	Mòng Vãn Hoàng	03/02/2009	Nam	Khơ mú	Sơn La	Huổi Lầu, Mường Vả, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nà Khoang	Sốp Cộp	2024	K	8	TB	6	K	8	TB	6	T	10	TB	6	T	10	TB	6	60	5.6	5.3	5.7	5.3	5.8	5.8	5.3	5.9	Trúng tuyển	
139	14000912139	Lò Văn Tư	29/10/2010	Nam	Lào	Sơn La	Phiêng Pen, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	60	5	5	5.1	5.4	5	6.2	5.9	5.2	Trúng tuyển	
140	14000912140	Lường Mạnh Hải	13/07/2010	Nam	Thái	Sơn La	Mường Lạn, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	60	5.8	5.2	5.5	5.3	5	5	5.7	5.4	Trúng tuyển	
141	14000912141	Mùa A Nụ	19/04/2010	Nam	Mông	Sơn La	Pá Khoang, Mường Lèo, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Mường Lèo	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	60	5	5.1	5.2	5.4	6.2	5.4	6.1	5	Trúng tuyển	
142	14000912142	Lường Văn Chi	22/04/2010	Nam	Thái	Sơn La	Huổi Ca, Mường Vả, Sốp Cộp, Sơn La	TH&THCS Mường Vả	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	60	5.3	5.3	5.8	5.6	5.7	5.5	5.3	5.7	Trúng tuyển	

TT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Nơi thường trú	Học sinh trường THCS	Huyện/TP	Năm TN THCS	Kết quả học tập và rèn luyện các năm học THCS																Tổng điểm xét tuyển	Điểm trung bình môn cả năm								Kết quả xét trúng tuyển	Chi chú
											Lớp 6				Lớp 7				Lớp 8				Lớp 9					Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9			
											QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT			Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn		
											Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		
143	14000912143	Châu A Dạ	27/02/2010	Nam	Mông	Sơn La	Có Săn, Chiềng Khoong, Sông Mã, Sơn La	THCS Chiềng Khoong	Sông Mã	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	60	6	5.7	5.7	6.1	5.8	5.3	5.2	5.8	Trúng tuyển	Trái tuyển
144	14000912144	Giàng A Phệnh	20/08/2010	Nam	Mông	Sơn La	Pá Kạch, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	60	5	5	5	5	4.6	5.1	5.7	5.2	Trúng tuyển	
145	14000912145	Vì Trung Thịnh	11/11/2010	Nam	Thái	Sơn La	Khá Nghịu, Púng Bánh, Sốp Cộp, Sơn La	Trường THCS Sốp Cộp	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	60	6.4	5.4	5.8	5.6	4.8	5.1	5.9	5	Trúng tuyển	
146	14000912146	Giàng A Nọ	01/05/2010	Nam	Mông	Sơn La	Pá Kạch, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	60	4.7	4.1	4.4	4.8	5.3	5	5.1	5.8	Trúng tuyển	
147	14000912147	Thào A Sai	29/06/2010	Nam	Mông	Sơn La	Phá Thổng, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	60	5	6	5	5	5.3	5.5	5.6	5.2	Trúng tuyển	
148	14000912148	Lò Quyết Định	10/11/2010	Nam	Thái	Sơn La	Lọng Tông, Nậm Lạnh, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nậm Lạnh	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	60	5.8	6.4	5.5	6	5.3	5.9	5.8	5	Trúng tuyển	
149	14000912149	Mùa Duy Đông	09/08/2010	Nam	Mông	Sơn La	Huổi Luông, Mường Lèo, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Mường Lèo	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	60	5.3	5.2	5	5.5	6.2	5.3	5.6	5	Trúng tuyển	
150	14000912150	Vũ Đình Nguyên	05/07/2010	Nam	Kinh	Sơn La	Bản H8, Mường Hung, Sông Mã, Sơn La	Trường THCS Mường Hung	Sông Mã	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	60	5.2	5	5	5	5.6	5.5	5.5	5	Trúng tuyển	Trái tuyển
151	14000912151	Vì Thị Lan	28/10/2010	Nữ	Thái	Sơn La	Nà Dì, Sốp Cộp, Sốp Cộp, Sơn La	Trường TH &THCS Sốp Cộp	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	60	5.3	5.1	5.1	5.3	5	5	5.4	5	Trúng tuyển	
152	14000912152	Vàng Thị Hua	21/08/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Pá Khoang, Mường Vả, Sốp Cộp, Sơn La	TH&THCS Mường Vả	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	60	5.1	4.4	5	5	5	5.1	5.2	5.1	Trúng tuyển	
153	14000912153	Vì Văn Long	26/02/2010	Nam	Thái	Sơn La	Huổi Cộp, Púng Bánh, Sốp Cộp, Sơn La	Trường THCS Púng Bánh	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	60	5	5.4	5.2	7	5.8	5.6	5.7	4.6	Trúng tuyển	

TT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Nơi thường trú	Học sinh trường THCS	Huyện/TP	Năm TN THCS	Kết quả học tập và rèn luyện các năm học THCS																Tổng điểm xét tuyển	Điểm trung bình môn cả năm								Kết quả xét trúng tuyển	Chi chú
											Lớp 6				Lớp 7				Lớp 8				Lớp 9					Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9			
											QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT			Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn		
											Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		
154	14000912154	Vì Văn Quý Tùng	05/04/2010	Nam	Thái	Sơn La	Huổi Cốp, Púng Bánh, Sốp Cộp, Sơn La	Trường THCS Púng Bánh	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	60	5	5.4	5.1	5.2	5.8	5	5.2	5.1	Trúng tuyển	
155	14000912155	Tòng Thị Bình	27/01/2005	Nữ	Thái	Sơn La	Nó Sài, Sốp Cộp, Sốp Cộp, Sơn La	Trường TH &THCS Sốp Cộp	Sốp Cộp	2020	T	10	K	8	T	10	K	8	TB	6	TB	6	TB	6	TB	6	60	7.8	6.7	8.3	7.6	5	5.9	5	5.1	Trúng tuyển	
156	14000912156	Vàng Minh Dạ	06/07/2010	Nam	Mông	Sơn La	Pu Sút, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	60	5	5.1	4.8	5	5.2	5.6	5	5	Trúng tuyển	
157	14000912157	Giàng A Dua	12/02/2010	Nam	Mông	Sơn La	Huổi Pá, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	60	6.5	5.2	5.3	4.1	5.2	5.4	4.9	5	Trúng tuyển	
158	14000912158	Quàng Văn Duy	05/10/2010	Nam	Thái	Sơn La	Bản Khá, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	60	5	5	5	5	4.3	4.8	4.8	5.1	Trúng tuyển	
159	14000912159	Giàng La Lý	29/01/2008	Nam	Mông	Sơn La	Pá Kạch, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	60	5	4.3	5.6	4.8	5.2	5	4.8	5	Trúng tuyển	
160	14000912160	Sộng So Ny	17/12/2009	Nam	Mông	Sơn La	Pu Hao, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	60	5	5	5	5	5.1	5.1	4.1	5.3	Trúng tuyển	
161	14000912161	Sòng A Mênh	17/04/2010	Nam	Mông	Sơn La	Kéo Vai, Nậm Lạnh, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nậm Lạnh	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	58	5	5.8	5.2	4.6	5	7	6	6.7	Trúng tuyển	
162	14000912162	Thào A Mi	25/05/2008	Nam	Mông	Sơn La	Pu Sút, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	Đ	6	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	58	5.4	5.4	4.6	5.1	5.3	5.2	6.3	6.1	Trúng tuyển	
163	14000912163	Lò Thị Kim Oanh	17/10/2010	Nữ	Lào	Sơn La	Nà Vạc, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	58	5.8	5.8	5.1	6.5	5.4	6.5	5.8	6.5	Trúng tuyển	
164	14000912164	Sộng Thị Mai	21/12/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Huổi Dương, Mường Vả, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nà Khoang	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	58	5.9	5.8	5.8	5.7	6	6.7	6.1	6.1	Trúng tuyển	

TT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Nơi thường trú	Học sinh trường THCS	Huyện/TP	Năm TN THCS	Kết quả học tập và rèn luyện các năm học THCS																Tổng điểm xét tuyển	Điểm trung bình môn cả năm								Kết quả xét trúng tuyển	Chi chú
											Lớp 6				Lớp 7				Lớp 8				Lớp 9					Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9			
											QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT			Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn		
											Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		
165	14000912165	Vì Thị Vương	25/09/2010	Nữ	Lào	Sơn La	Nà Khi, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	58	6.3	5.7	5.2	5.6	5.4	6.1	5.5	6.5	Trúng tuyển	
166	14000912166	Vàng A Hay	05/06/2010	Nam	Mông	Sơn La	Phiêng Piêng, Mường Cai, Sông Mã, Sơn La	PTDT Bán trú THCS Mường Cai	Sông Mã	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	58	5	5.3	5	5	5.3	5.5	6.4	5.6	Trúng tuyển	Trái tuyển
167	14000912167	Giàng A Khánh	02/01/2010	Nam	Mông	Sơn La	Hua Lạnh, Nậm Lạnh, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nậm Lạnh	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	58	5.2	5.3	5	5.2	5	6.2	5.6	6.4	Trúng tuyển	
168	14000912168	Lò Trung Hữu	21/08/2010	Nam	Thái	Sơn La	Bản Dồm, Dồm Cang, Sốp Cộp, Sơn La	Trường TH &THCS Dồm Cang	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	58	5.3	6.2	5.1	6.1	4.9	6.2	6.1	5.6	Trúng tuyển	
169	14000912169	Giàng Chí Thương	28/03/2010	Nam	Mông	Sơn La	Bản Háng Xía, Pú Bấu, Sông Mã, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Pú Bấu	Sông Mã	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	58	5.4	5.8	5.5	6.3	5.9	6	5.4	6.2	Trúng tuyển	Trái tuyển
170	14000912170	Và A Nú	15/02/2010	Nam	Mông	Sơn La	Huổi Hịa, Nậm Lạnh, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nậm Lạnh	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	58	5	5	5.2	5.2	5.3	5.3	5.4	6.2	Trúng tuyển	
171	14000912171	Lậu Anh Dũng	13/08/2009	Nam	Mông	Sơn La	Nà Trĩa, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2024	K	8	TB	6	T	10	TB	6	T	10	TB	6	TB	6	TB	6	58	6.5	6	5.5	5	5.5	5.4	5.5	6.1	Trúng tuyển	
172	14000912172	Mòng Thị Duyên	26/10/2010	Nữ	Khơ mú	Sơn La	Huổi Làn, Mường Lèo, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Mường Lèo	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	58	5.5	5.1	5	5.6	6.2	5.2	6.3	5.3	Trúng tuyển	
173	14000912173	Lò Văn Quyền	07/09/2010	Nam	Thái	Sơn La	Bản Dồm, Dồm Cang, Sốp Cộp, Sơn La	TH&THCS Dồm Cang	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	58	4.4	5.8	5.4	5.7	5.3	5.4	6.2	5	Trúng tuyển	
174	14000912174	Lò Thị Hiếu Lam	09/05/2010	Nữ	Lào	Sơn La	Mường Và, Mường Và, Sốp Cộp, Sơn La	TH&THCS Mường Và	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	58	6.2	5.9	5.5	6.2	6.2	6.2	6	5.1	Trúng tuyển	
175	14000912175	Giàng A Cu	10/10/2010	Nam	Mông	Sơn La	Co Muông, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	58	4.8	5.9	5	5.1	5.1	5.3	5.1	6	Trúng tuyển	

TT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Nơi thường trú	Học sinh trường THCS	Huyện/TP	Năm TN THCS	Kết quả học tập và rèn luyện các năm học THCS																Tổng điểm xét tuyển	Điểm trung bình môn cả năm								Kết quả xét trúng tuyển	Chi chú
											Lớp 6				Lớp 7				Lớp 8				Lớp 9					Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9			
											QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT			Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn		
											Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		
176	14000912176	Vừ A Di	01/04/2010	Nam	Mông	Sơn La	Hua Lạnh, Nậm Lạnh, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nậm Lạnh	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	58	4.6	5	5	4.6	5	5.4	5.5	5.6	Trúng tuyển	
177	14000912177	Thào A Lại	08/11/2008	Nam	Mông	Sơn La	Sam Kha, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2023	K	8	TB	6	K	8	TB	6	K	8	TB	6	T	10	TB	6	58	5.5	5	5	4.1	5.1	5.5	5.8	5.2	Trúng tuyển	
178	14000912178	Vàng Ka Dênh	20/08/2008	Nam	Mông	Sơn La	Pu Sút, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	58	5	6	4.5	5.1	5	5.7	5	5.9	Trúng tuyển	
179	14000912179	Tòng Thị Minh	11/09/2010	Nữ	Thái	Sơn La	Bản Cọ, Púng Bánh, Sốp Cộp, Sơn La	Trường THCS Púng Bánh	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	58	5	5.9	5.3	6.1	5.5	6.4	5.2	5.7	Trúng tuyển	
180	14000912180	Lò Văn Vương	30/08/2010	Nam	Lào	Sơn La	Mường Và, Mường Và, Sốp Cộp, Sơn La	TH&THCS Mường Và	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	Đ	6	Đ	6	T	10	Đ	6	T	10	Đ	6	58	4.1	5.2	6	4.5	5.4	5	5.5	5.3	Trúng tuyển	
181	14000912181	Mùa A Thu	09/8/2009	Nam	Mông	Sơn La	Nong Phụ, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	58	5.6	5.2	5	4.6	4.9	5.1	5.4	5.2	Trúng tuyển	
182	14000912182	Mua Và Pó	14/09/2010	Nam	Mông	Sơn La	Nà Tấu, Đứa Mòn, Sông Mã, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sông Mã	2025	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	58	4.3	6	5.1	6.5	5.5	6.1	5.3	5.3	Trúng tuyển	Trái tuyển
183	14000912183	Thào A Hạ	05/09/2009	Nam	Mông	Sơn La	Phá Thổng, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	K	8	TB	6	K	8	TB	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	58	5.8	5	5	4.2	5.6	5.8	5	5.4	Trúng tuyển	
184	14000912184	Lò Thị Hoàng	21/03/2010	Nữ	Lào	Sơn La	Mường Lạn, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	K	8	K	8	Đ	6	Đ	6	Đ	6	K	8	Đ	6	58	6.5	6.8	5.7	5.9	5.5	6.1	5.1	5.3	Trúng tuyển	
185	14000912185	Lò Văn Sâm	16/03/2010	Nam	Thái	Sơn La	Chạy Cang, Nậm Mần, Sông Mã, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Nậm Mần	Sông Mã	2025	T	10	Đ	6	K	8	K	8	K	8	Đ	6	Đ	6	Đ	6	58	6.7	5.6	6.1	6.1	6	6.5	4.9	5.4	Trúng tuyển	Trái tuyển
186	14000912186	Hạ A Xị	01/12/2010	Nam	Mông	Sơn La	Hua Lạnh, Nậm Lạnh, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nậm Lạnh	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	58	5	5	5.3	5	5.1	5.5	5.1	5.2	Trúng tuyển	

TT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Nơi thường trú	Học sinh trường THCS	Huyện/TP	Năm TN THCS	Kết quả học tập và rèn luyện các năm học THCS																Tổng điểm xét tuyển	Điểm trung bình môn cả năm								Kết quả xét trúng tuyển	Chi chú
											Lớp 6				Lớp 7				Lớp 8				Lớp 9					Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9			
											QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT			Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn		
											Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		
187	14000912187	Thào A Sòng	27/02/2008	Nam	Mông	Sơn La	Sam Kha, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2024	TB	6	TB	6	K	8	TB	6	T	10	TB	6	T	10	TB	6	58	6	5	6	6.5	5	4.4	5	5.2	Trúng tuyển	
188	14000912188	Vền Văn Út	04/03/2008	Nam	Khơ mú	Sơn La	Huổi Lầu, Mường Vả, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nà Khoang	Sốp Cộp	2024	K	8	TB	6	K	8	TB	6	K	8	TB	6	T	10	TB	6	58	4.3	4.5	4.7	5	5	4.9	5	5.2	Trúng tuyển	
189	14000912189	Vừ A Công	14/11/2009	Nam	Mông	Sơn La	Huổi Ái, Sốp Cộp, Sốp Cộp, Sơn La	Trường TH &THCS Sốp Cộp	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	58	5.6	5.3	5.1	5.1	4.5	5	5.1	5.1	Trúng tuyển	
190	14000912190	Vàng Hồng Sơn	13/01/2010	Nam	Mông	Sơn La	Huổi My, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	58	5.7	5.2	5	5.8	5	5.5	4.9	5.2	Trúng tuyển	
191	14000912191	Quàng Văn Trọng	10/07/2010	Nam	Khơ mú	Sơn La	Cang Cối, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	58	5.1	5	5	5	4.8	5	5	5.1	Trúng tuyển	
192	14000912192	Lò Văn Giang	04/06/2010	Nam	Lào	Sơn La	Bản Cống, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	58	4.8	4.6	5	5	4.8	5	4.5	5	Trúng tuyển	
193	14000912193	Lò Dương Cầm	27/07/2010	Nam	Lào	Sơn La	Bản Cống, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	58	5.4	5	4.1	5.3	4.3	5.6	4.1	5	Trúng tuyển	
194	14000912194	Vừ A Lử	21/06/2008	Nam	Mông	Sơn La	Pá Vai, Nậm Lạnh, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nậm Lạnh	Sốp Cộp	2023	K	8	TB	6	K	8	TB	6	K	8	TB	6	T	10	TB	6	58	5	6	5	6	4.5	4.4	5	4.1	Trúng tuyển	
195	14000912195	Vừ Thị Lia	23/01/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Nậm Lạnh, Nậm Lạnh, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nậm Lạnh	Sốp Cộp	2025	Đ	6	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	T	10	Đ	6	56	5.2	5.1	5.4	5.9	5.6	6	6.9	6.4	Trúng tuyển	
196	14000912196	Lậu Cha Ly	04/04/2008	Nam	Mông	Sơn La	Pá Vai, Mường Vả, Sốp Cộp, Sơn La	TH&THCS Mường Vả	Sốp Cộp	2024	K	8	TB	6	K	8	TB	6	K	8	TB	6	K	8	TB	6	56	5	5	5	5	5	5.4	5.9	7.3	Trúng tuyển	
197	14000912197	Lậu A Mạnh	26/08/2010	Nam	Mông	Sơn La	Huổi Dương, Mường Vả, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nà Khoang	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	56	5.8	5.8	5.5	6.1	5.9	6.4	6.5	6.4	Trúng tuyển	

TT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Nơi thường trú	Học sinh trường THCS	Huyện/TP	Năm TN THCS	Kết quả học tập và rèn luyện các năm học THCS																Tổng điểm xét tuyển	Điểm trung bình môn cả năm								Kết quả xét trúng tuyển	Chi chú
											Lớp 6				Lớp 7				Lớp 8				Lớp 9					Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9			
											QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT			Toán		Ngữ văn		Toán		Ngữ văn			
											Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		
198	14000912198	Giàng Thị La	21/12/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Hua Lạnh, Nậm Lạnh, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nậm Lạnh	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	Đ	6	Đ	6	T	10	Đ	6	56	5.4	5.5	5.2	5.4	5.9	6.8	6.5	6.4	Trúng tuyển	
199	14000912199	Giàng Văn Pó	10/04/2010	Nam	Mông	Sơn La	Pu Sút, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	Đ	6	Đ	6	56	4.3	5.3	6.3	4.5	5.6	6	6.3	6.5	Trúng tuyển	
200	14000912200	Vàng Thị Lan	28/11/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Pu Sút, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	56	6	5	5.1	5	5.1	5.4	5.8	6.2	Trúng tuyển	
201	14000912201	Thào A Dơ	15/02/2009	Nam	Mông	Sơn La	Co Đũa, Mường Sai, Sông Mã, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Mường Sai	Sông Mã	2024	K	8	TB	6	TB	6	TB	6	K	8	TB	6	T	10	TB	6	56	5.2	5	6.2	6	6.5	5.7	6.3	5.7	Trúng tuyển	Trái tuyển
202	14000912202	Vừ A Mệnh	31/01/2010	Nam	Mông	Sơn La	Kéo Vai, Nậm Lạnh, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nậm Lạnh	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	56	5.1	5.5	5	5	5.1	6.2	6.1	5.8	Trúng tuyển	
203	14000912203	Cà Văn Hưng	30/09/2009	Nam	Thái	Sơn La	Pật Pháy, Dồm Cang, Sốp Cộp, Sơn La	TH&THCS Dồm Cang	Sốp Cộp	2024	K	8	TB	6	K	8	TB	6	K	8	TB	6	K	8	TB	6	56	4.6	5.8	5.3	5	5.3	5.9	5.8	6.1	Trúng tuyển	
204	14000912204	Giàng Thị Chư	12/07/2010	Nữ	Mông	Sơn La	Ten Lán, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Sam Kha	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	56	5	6	4.7	4.6	5.1	5.8	5.6	6.1	Trúng tuyển	
205	14000912205	Vàng A Trí	22/07/2009	Nam	Mông	Sơn La	Tặng Sơn, Đũa Mòn, Sông Mã, Sơn La	PTDT Bán trú THCS Đũa Mòn	Sông Mã	2024	K	8	TB	6	K	8	TB	6	K	8	TB	6	K	8	TB	6	56	5.7	5.4	5.3	5.7	5.5	5.2	5.3	6.2	Trúng tuyển	Trái tuyển
206	14000912206	Vèn Văn Tùng	30/06/2010	Nam	Khơ mú	Sơn La	Huổi Lầu, Mường Vả, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nà Khoang	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	56	5.1	5.3	5.7	6.1	6.2	6.2	5.7	5.8	Trúng tuyển	
207	14000912207	Lậu A Kỳ	27/04/2010	Nam	Mông	Sơn La	Púng Páng, Mường Vả, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nà Khoang	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	56	5.2	5.7	5.7	5.9	5.6	6.4	5.6	5.7	Trúng tuyển	
208	14000912208	Nguyễn Duy Khuê	26/06/2010	Nam	Kinh	Sơn La	Bản Ban, Sốp Cộp, Sốp Cộp, Sơn La	Trường TH &THCS Sốp Cộp	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	56	5.2	5	5.4	5	5	5.9	5.2	6.1	Trúng tuyển	

TT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Nơi thường trú	Học sinh trường THCS	Huyện/TP	Năm TN THCS	Kết quả học tập và rèn luyện các năm học THCS																Tổng điểm xét tuyển	Điểm trung bình môn cả năm								Kết quả xét trúng tuyển	Chi chú
											Lớp 6				Lớp 7				Lớp 8				Lớp 9					Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9			
											QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT			Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn		
											Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		
209	14000912209	Lò Thị Ly	06/05/2010	Nữ	Lào	Sơn La	Nà Khi, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	56	4.6	5	5.1	5.8	5.2	6	5.1	6.1	Trúng tuyển	
210	14000912210	Vì Thị Hạnh	25/07/2010	Nữ	Lào	Sơn La	Nà Khi, Mường Lạn, Sốp Cộp, Sơn La	PTDT Bán trú TH và THCS Mường Lạn	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	56	5	5	4.5	5.2	4.6	5.4	5.1	6.1	Trúng tuyển	
211	14000912211	Vừ A Kênh	10/02/2010	Nam	Mông	Sơn La	Hua Lạnh, Nậm Lạnh, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nậm Lạnh	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	56	4.5	6	5	5	5	4.9	5.4	5.8	Trúng tuyển	
212	14000912212	Vừ A Lịa	18/08/2010	Nam	Mông	Sơn La	Cang Kéo, Nậm Lạnh, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nậm Lạnh	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	56	5.6	5.3	5.4	5	4.7	7.2	5.6	5.4	Trúng tuyển	
213	14000912213	Lậu A Cạn	03/10/2010	Nam	Mông	Sơn La	Huổi Dương, Mường Và, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nà Khoang	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	56	5.1	5.5	5.3	5.1	5.6	5.8	5.5	5.4	Trúng tuyển	
214	14000912214	Lậu Bà Dơ	10/09/2010	Nam	Mông	Sơn La	Huổi Dương, Mường Và, Sốp Cộp, Sơn La	PTDTBT TH&THCS Nà Khoang	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	56	5.8	6.3	5.4	5.4	5.4	5.3	5.6	5.3	Trúng tuyển	
215	14000912215	Lò Văn Hoà	06/03/2010	Nam	Thái	Sơn La	Pỏi Lanh, Mường Và, Sốp Cộp, Sơn La	TH&THCS Mường Và	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	56	5	5	5.2	4.7	5.1	5.3	5.8	5	Trúng tuyển	
216	14000912216	Giàng A Thái	01/08/2008	Nam	Mông	Sơn La	Pá Men, Nậm Ty, Sông Mã, Sơn La	PTDTBT THCS Nậm Ty	Sông Mã	2024	K	8	TB	6	TB	6	TB	6	K	8	TB	6	T	10	TB	6	56	5.3	6	5.1	5.3	5.5	6	5.6	5.2	Trúng tuyển	Trái tuyển
217	14000912217	Lò Quang Chung	10/03/2010	Nam	Thái	Sơn La	Bản Dồm, Dồm Cang, Sốp Cộp, Sơn La	TH&THCS Dồm Cang	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	Đ	6	Đ	6	T	10	Đ	6	56	5.3	5	5	5.3	4.4	5	5.7	5.1	Trúng tuyển	
218	14000912218	Lò Văn Nhật	10/12/2010	Nam	Thái	Sơn La	Bản Dồm, Dồm Cang, Sốp Cộp, Sơn La	TH&THCS Dồm Cang	Sốp Cộp	2025	T	10	Đ	6	Đ	6	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	56	5.5	5.5	5	5.2	5.8	6	5.5	5.3	Trúng tuyển	
219	14000912219	Lò Văn Úy	29/02/2008	Nam	Khơ mú	Sơn La	Bua Xá, Mường Hung, Sông Mã, Sơn La	Trường THCS Mường Hung	Sông Mã	2024	K	8	TB	6	K	8	TB	6	K	8	TB	6	K	8	TB	6	56	6.6	5.1	6.7	5	5	5.5	5.7	5.1	Trúng tuyển	Trái tuyển

TT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Nơi thường trú	Học sinh trường THCS	Huyện/ TP	Năm TN THC S	Kết quả học tập và rèn luyện các năm học THCS																Tổng điểm xét tuyển	Điểm trung bình môn cả năm								Kết quả xét trúng tuyển	Chi chú
											Lớp 6				Lớp 7				Lớp 8				Lớp 9					Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9			
											QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT		QKRL		KQHT			Toán		Ngữ văn		Toán		Ngữ văn			
											Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ	Mức	ĐQĐ		
220	14000912220	Tòng Thị Dương	23/07/2010	Nữ	Thái	Sơn La	Huổi Yên, Dồm Cang, Sốp Cộp, Sơn La	TH&THCS Dồm Cang	Sốp Cộp	2025	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	K	8	Đ	6	56	5.5	7	5	7.4	5.2	6.6	5.1	5.6	Trúng tuyển	

XÁC NHẬN CỦA HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRUNG TÂM GDTX SỚP CỘP

Danh sách này có: 220 học sinh trúng tuyển
Trong đó có: 03 học sinh tuyển thẳng
20 học sinh Trái tuyển

Sơn La, ngày 01 tháng 8 năm 2025
CHỦ TỊCH
(ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn Thiết
Giám đốc

XÁC NHẬN CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Danh sách này có: học sinh trúng tuyển
Trong đó có: học sinh tuyển thẳng
..... học sinh Trái tuyển

Sơn La, ngày ... tháng ... năm 2025
GIÁM ĐỐC
(ký tên, đóng dấu)